

Bản án số: 08/2024/ HNGĐ- ST

Ngày: 26 - 4 - 2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H, TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ánh Nga;

Ông Cao Bá Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25//2024/QĐST – HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê T P, sinh năm: 1973; (Vắng mặt có lý do).

Địa chỉ: Đội 15, thôn H T, xã H P, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Bùi Đ T, sinh năm: 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 15, thôn H T, xã H P, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn bà Lê T P trình bày: Bà P và ông Bùi Đ T tự nguyện yêu T nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H P, huyện N H, vào ngày 19/12/2000. Vợ chồng sống với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tính không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông Bùi Đ T.

- Con chung: Bà P và ông T có 01 con chung tên Bùi Đ P, sinh ngày 25/9/1999; hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn ông Bùi Đ T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện N H đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Bùi Đ T nhưng ông T không có văn bản trả lời và không đến Tòa án để trình bày, vắng mặt không có lý do tại các lần Tòa án triệu tập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê T P khởi kiện yêu cầu được “Ly hôn” với ông Bùi Đ T, ông T có nơi cư trú ở xã H P, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa bà P xin vắng mặt tại phiên tòa, ông Bùi Đ T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Bà P và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H P, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/12/2000, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình được Ủy ban nhân dân xã H P, huyện N H cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N H tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Bùi Đ T không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu. Bà Lê T P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T vì giữa bà và ông T tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy bà P và ông T sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm với nhau nữa, hạnh phúc giữa bà P và ông T không còn nên cần cho bà P ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà P và ông T có với nhau 01 con chung là tên Bùi Đ P, sinh ngày 25/9/1999; hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê T P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Điều 260, 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê T P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê T P được ly hôn ông Bùi Đ T.

- Về con chung: Bà P, ông T có 01 con chung là tên Bùi Đ P, sinh ngày 25/9/1999; hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê T P phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001722 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ánh Nga

Cao Bá Thành

Phạm Hải Nam

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKS huyện N H;
- Cơ quan THADS huyện N H;
- UBND xã Hành Thịnh, huyện N H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Nam

